

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023-2024 – THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ TƯ NHÂN – MỘT ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG QUAN TRỌNG

*TS. Cán Văn Lực – Chuyên gia Kinh tế trưởng BIDV & Thành viên Hội đồng tư vấn
Chính sách Tài chính – Tiền tệ Quốc gia*

*Tại Hội thảo Khoa học Quốc gia “Kinh tế Việt Nam 2023 và triển vọng 2024: Thúc đẩy tổng cầu để
tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới” do ĐHKQTĐ, Ban KTTW và UBKT QH tổ chức*

Hà Nội, ngày 17/4/2024

Nội dung trình bày

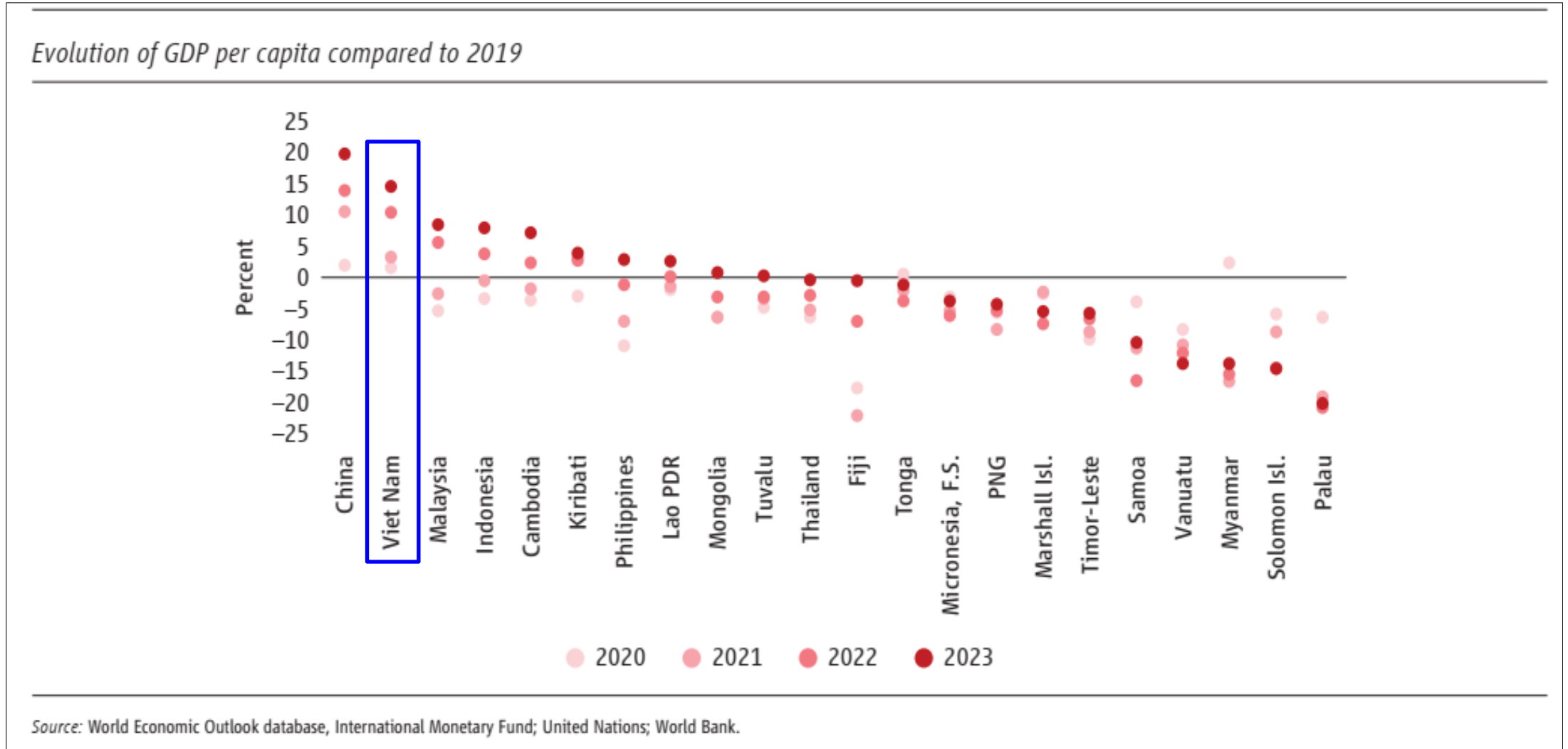
- 1. Kinh tế Việt Nam 2023-2024 – động lực tăng trưởng từ phía cầu**
- 2. Kích cầu đầu tư tư nhân đồng bộ với các nhóm giải pháp khác**
- 3. Một số kiến nghị.**

Bảng 1: Tăng trưởng kinh tế Việt Nam so với khu vực 2023-2025f (% yoy)

	2021	2022	2023e	2024f	2025f
Đông Á & TBD	7.5	3.4	5.1	4.5	4.3
Cambodia	3.0	5.2	5.4	5.8	6.1
China	8.4	3.0	5.2	4.5	4.3
Indonesia	3.7	5.3	5.0	4.9	5.0
Lao PDR	2.5	2.7	3.7	4.0	4.1
Malaysia	3.3	8.7	3.7	4.3	4.4
Myanmar	-9.0	-12.0	4.0	1.3	2.0
Philippines	5.7	7.6	5.6	5.8	5.9
Singapore	8.9	3.6	1.2	2.3	2.6
Thailand	1.6	2.5	1.9	2.8	3.0
Viet Nam	2.6	8.12	5.05	5.5	6.0

Nguồn: WB (4/2024), MTI Singapore, Viện ĐT & NC BIDV tổng hợp.

H.1: Mức độ phục hồi thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam và các nước trong khu vực so với trước dịch (2023 vs. 2019)



Bảng 2: Dự báo tăng trưởng GDP và CPI bình quân năm 2024 của VN (% , yoy)

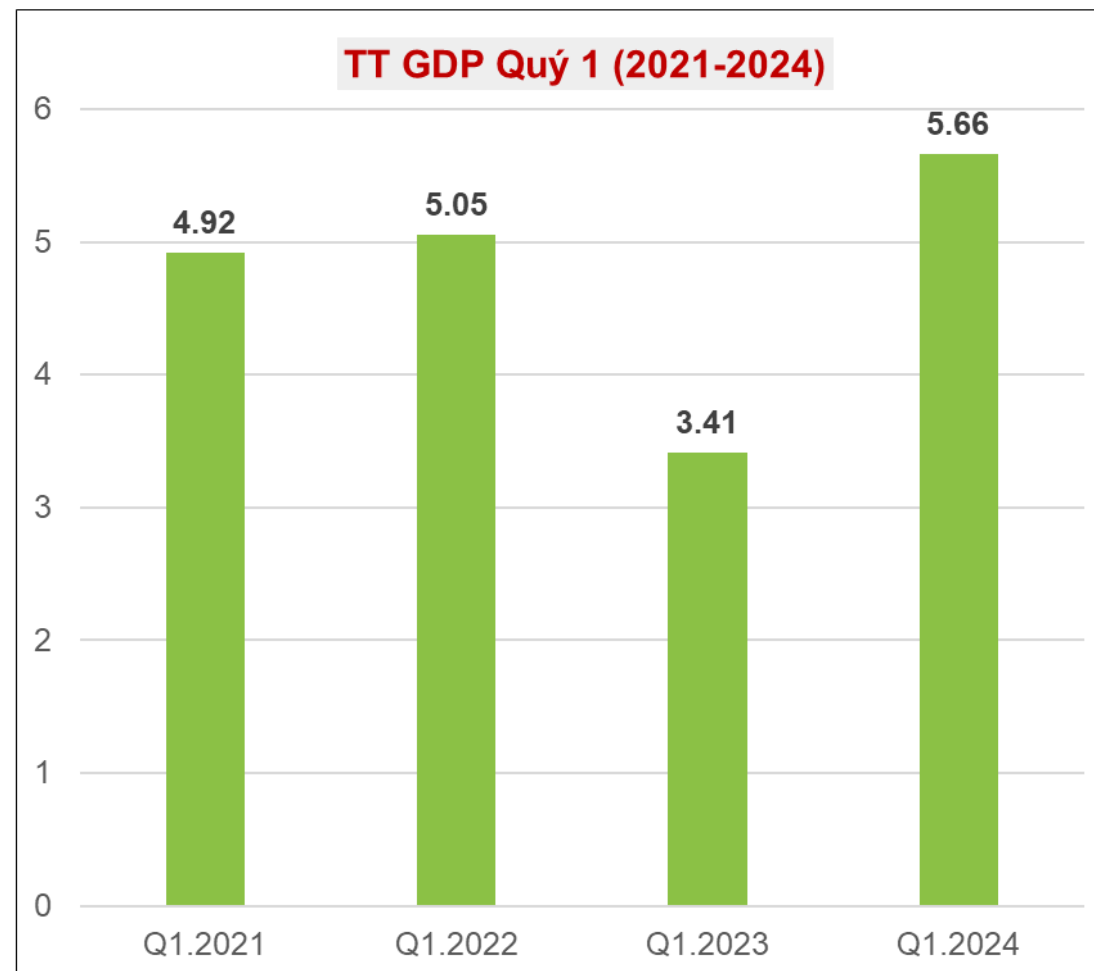
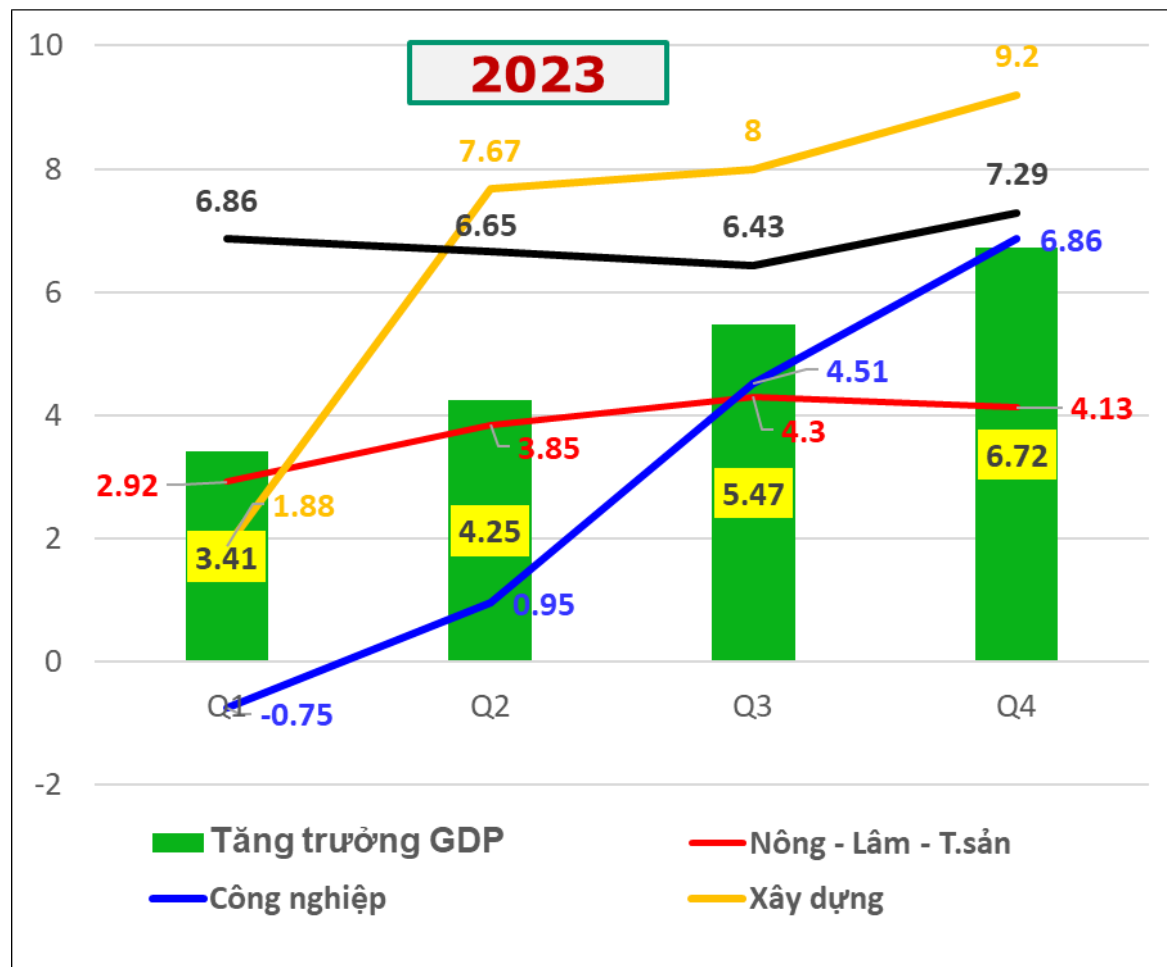
	<i>TT GDP</i>	<i>CPI bình quân</i>
	2024f	2024f
World Bank (4/2024)	5.5	3.5
IMF (1/2024)	5.8	4
ADB (4/2024)	6.0	4
QH, Chính phủ (1/2024)	6-6.5	4-4.5
BIDV Research (4/2024)	6-6.5	3.4-3.8

Bảng 3: Kinh tế Việt Nam Q1.2024 và dự báo cả năm 2024

Các chỉ tiêu	Q1/2022	Q1/2023	Q1/2024	DB 6T/2024	DB 2024
Tăng trưởng GDP (% , yoy)	5,12	3,41	5,66	5,8 - 6,2	6,0 - 6,5
CPI bình quân (% , yoy)	1,92	4,18	3,77	3,4-3,8	3,4-3,8
Chỉ số SXCN - IIP (% , yoy)	6,44	-2,25	5,67	10 - 12	10 - 12
Bán lẻ hàng hóa và DV tiêu dùng (nghìn tỷ đồng; %)	1.248 (+6,5%)	1.421 (+13,9%)	1.538 (+8,2%)	3.200 – 3.300 (+8→10%)	6.750 – 6.900 (+8→10%)
Xuất khẩu (tỷ USD)	90,0 (+14,6%)	79,5 (-11,6%)	93,1 (+17%)	189 - 192 (+15 → 17%)	381 - 390 (+7 → 10%)
Nhập khẩu (tỷ USD)	88,2 (+15,9%)	74,6 (-15,4%)	85,0 (+13,9%)	172 - 175 (+13 → 15%)	346 - 355 (+6 → 9%)
Cán cân T.mại (tỷ USD)	1,8	4,9	8,1	14 - 19	33 - 38
Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	8,91 (-12%)	5,45 (-38,8%)	6,17 (+13,4%)	14,7-15,5 (+10→15%)	40 - 42 (+10→15%)
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	4,42 (+7,8%)	4,32 (-2,2%)	4,63 (+7,1%)	11,2-11,5 (+11→15%)	25 – 26 (+8→12%)
Tăng trưởng tín dụng (% , so đầu năm)	5,97	2,58	0,9	5-6	14 - 15
Biến động tỷ giá (USD/VND so đầu năm, %)	0,0	0,5	-2,12	-2→-2,5	-2→-2,5

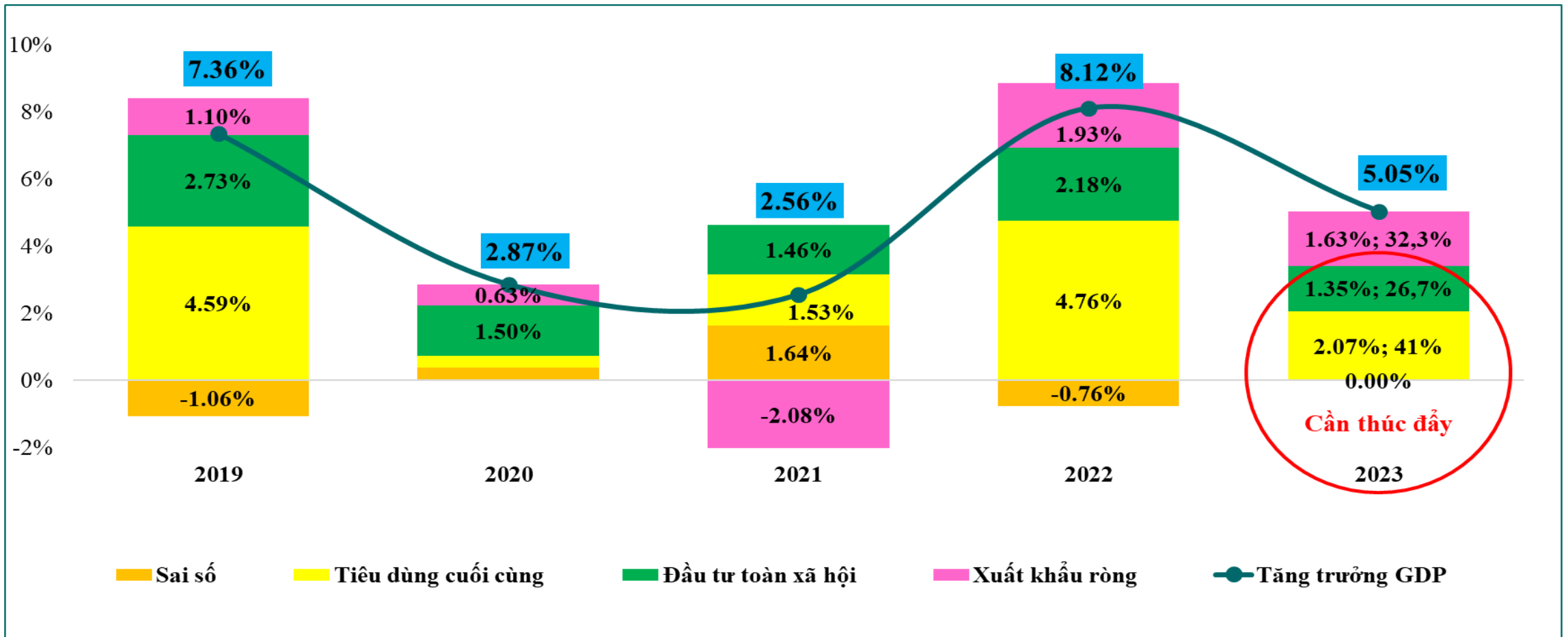
Nguồn: TCTK, Viện ĐTNC BIDV.

H.2: Tăng trưởng GDP theo các khu vực chính 2023 và Q1.2024 (% YoY)



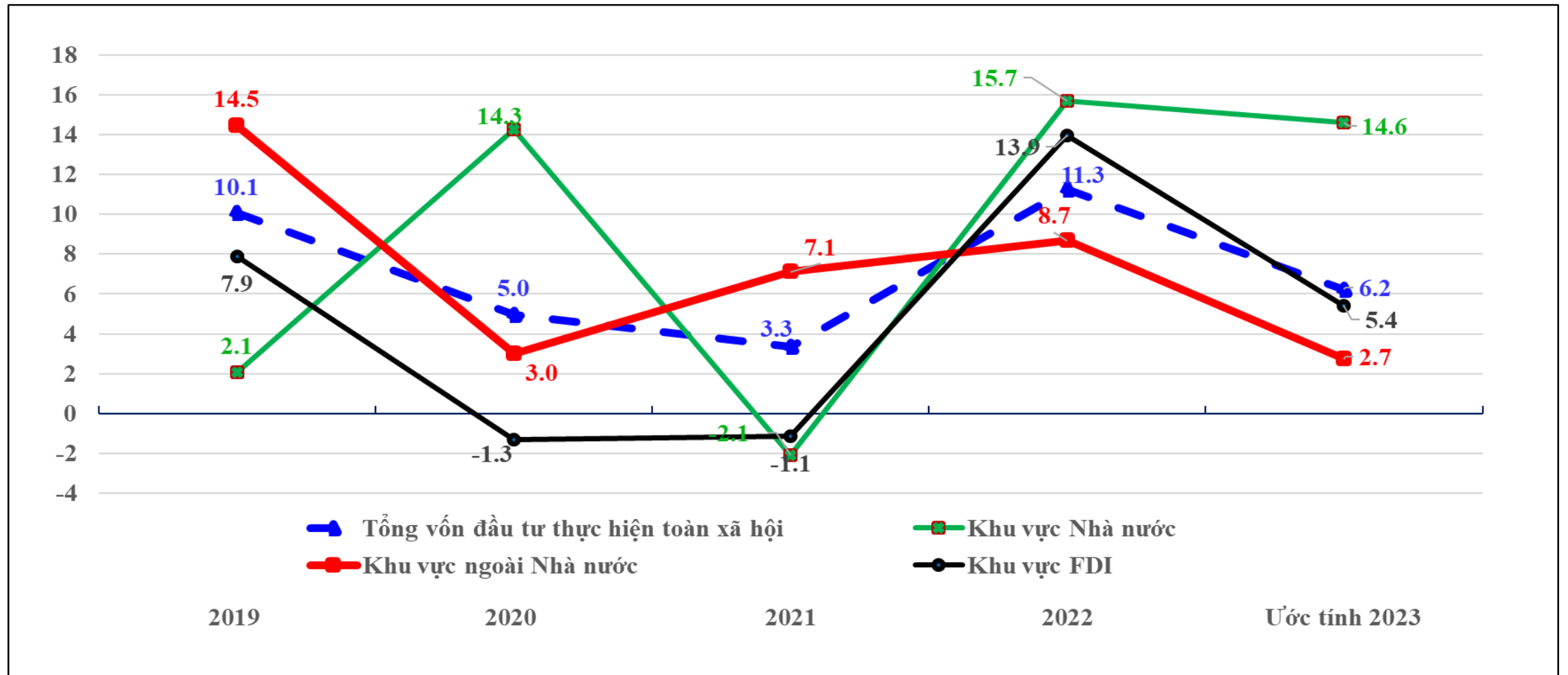
Nguồn: TCTK, Viện ĐT&NC BIDV tổng hợp.

H.3: Đóng góp vào tăng trưởng theo hướng cầu năm 2023 (% , yoy)



Nguồn: TCTK, Viện ĐT&NC BIDV tổng hợp. **Cần kích cầu đầu tư và tiêu dùng?**

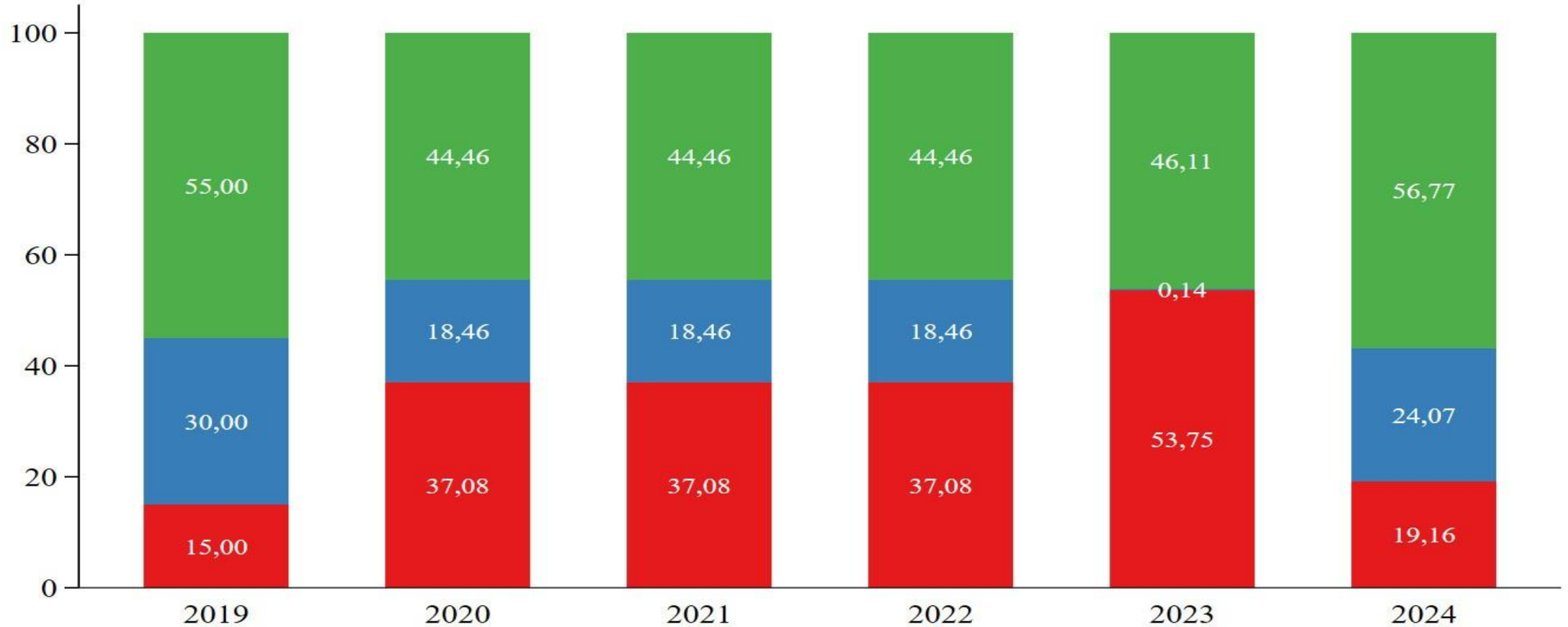
H.4: Kích cầu đầu tư tư nhân là cần thiết (% , so cùng kỳ)



Nguồn: TCTK, Viện ĐT&NC BIDV tổng hợp.

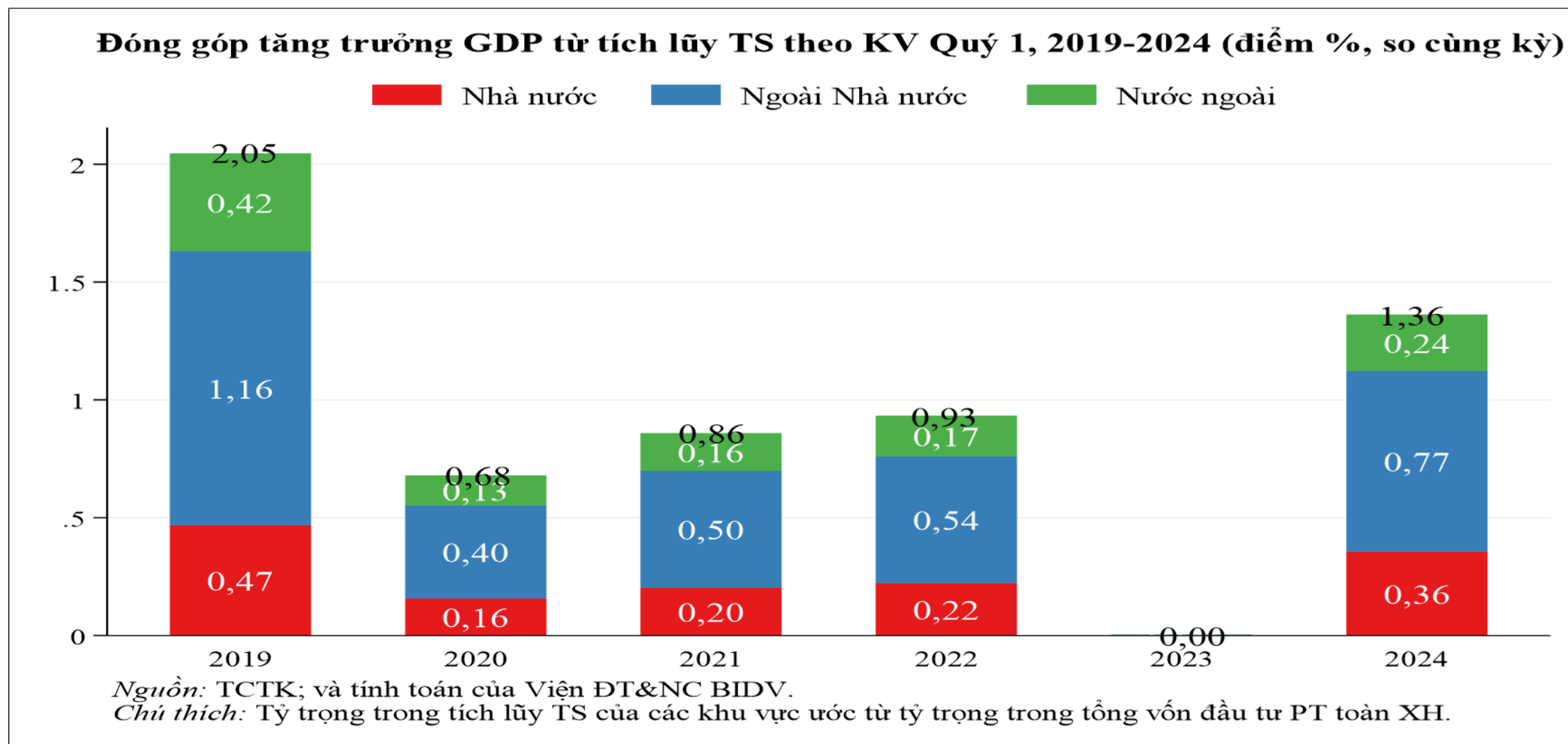
Tỷ trọng đóng góp tăng trưởng GDP từ phía cầu Quý 1, 2019-2024 (% tổng số)

Chênh lệch XNK Tích lũy tài sản Tiêu dùng cuối cùng

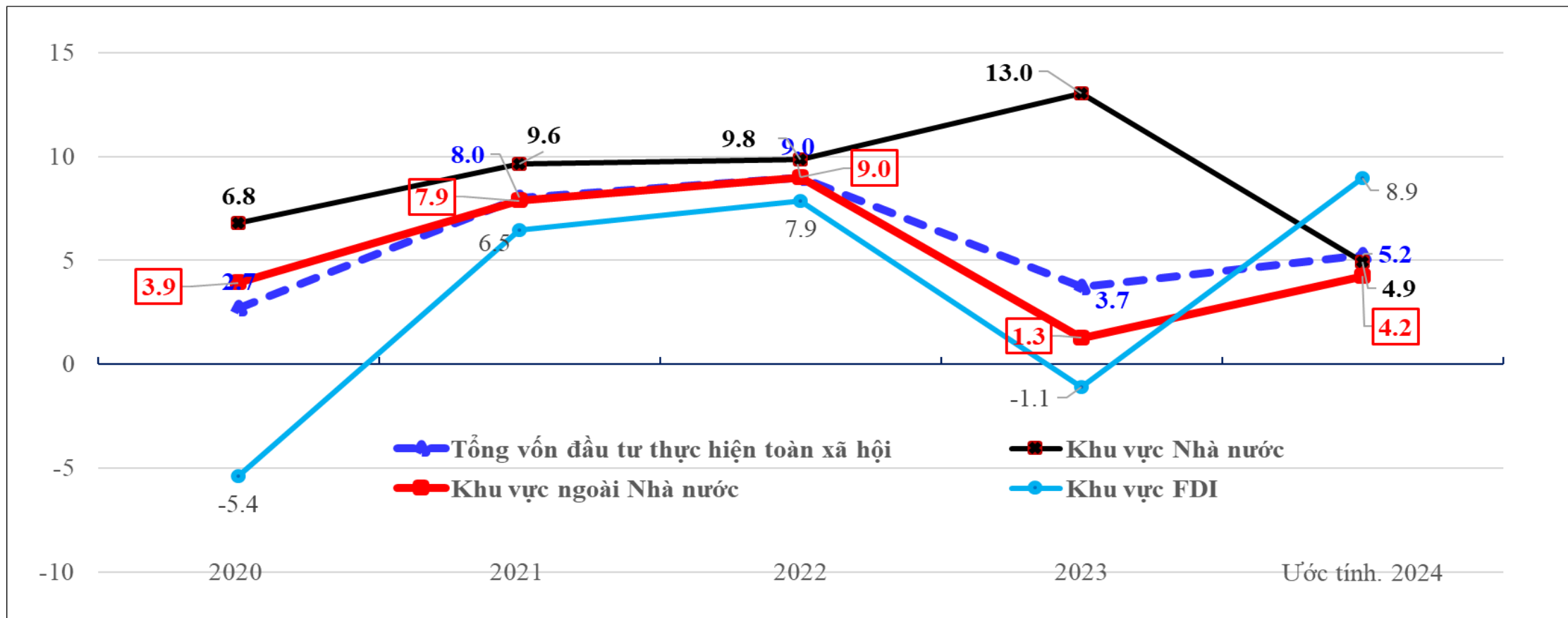


Nguồn: TCTK; và tính toán của Viện ĐT&NC BIDV.

H.6: Đầu tư tư nhân và FDI còn nhiều dư địa (so với năm 2019)

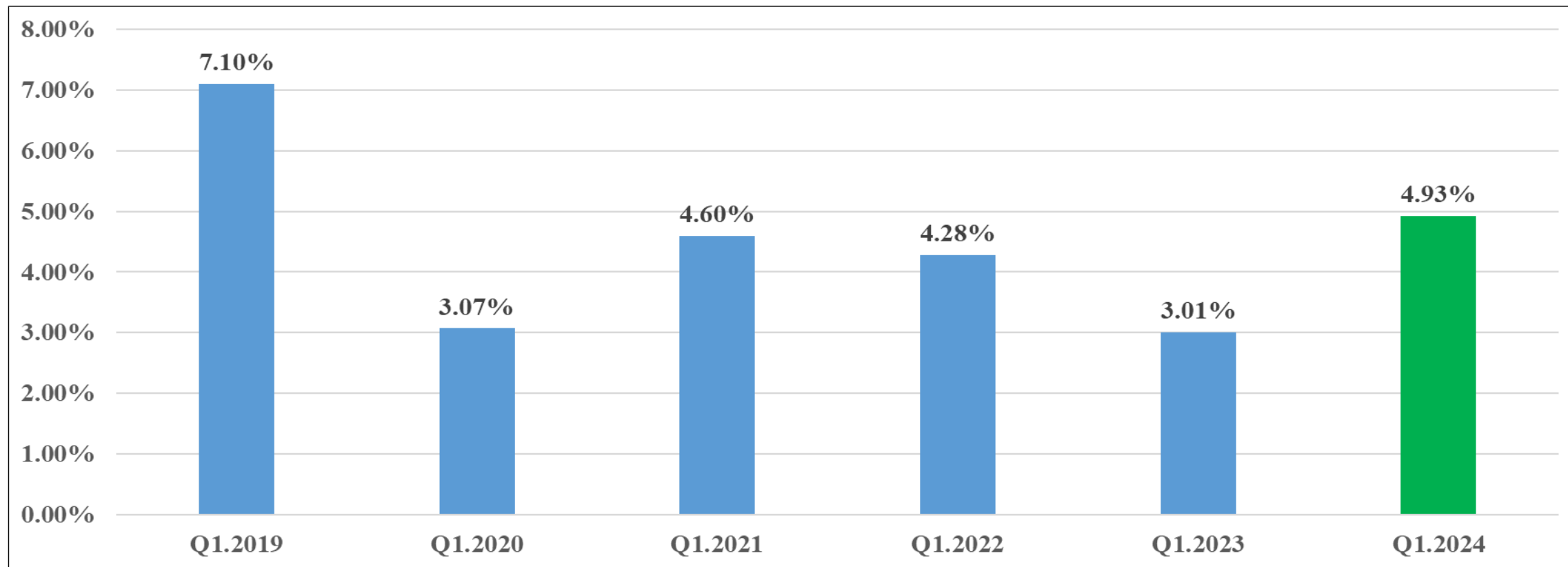


Vốn đầu tư tư nhân phục hồi nhưng còn chậm – H.7: Vốn đầu tư toàn xã hội theo khu vực kinh tế Quý 1, 2020-2024 (% , so cùng kỳ)



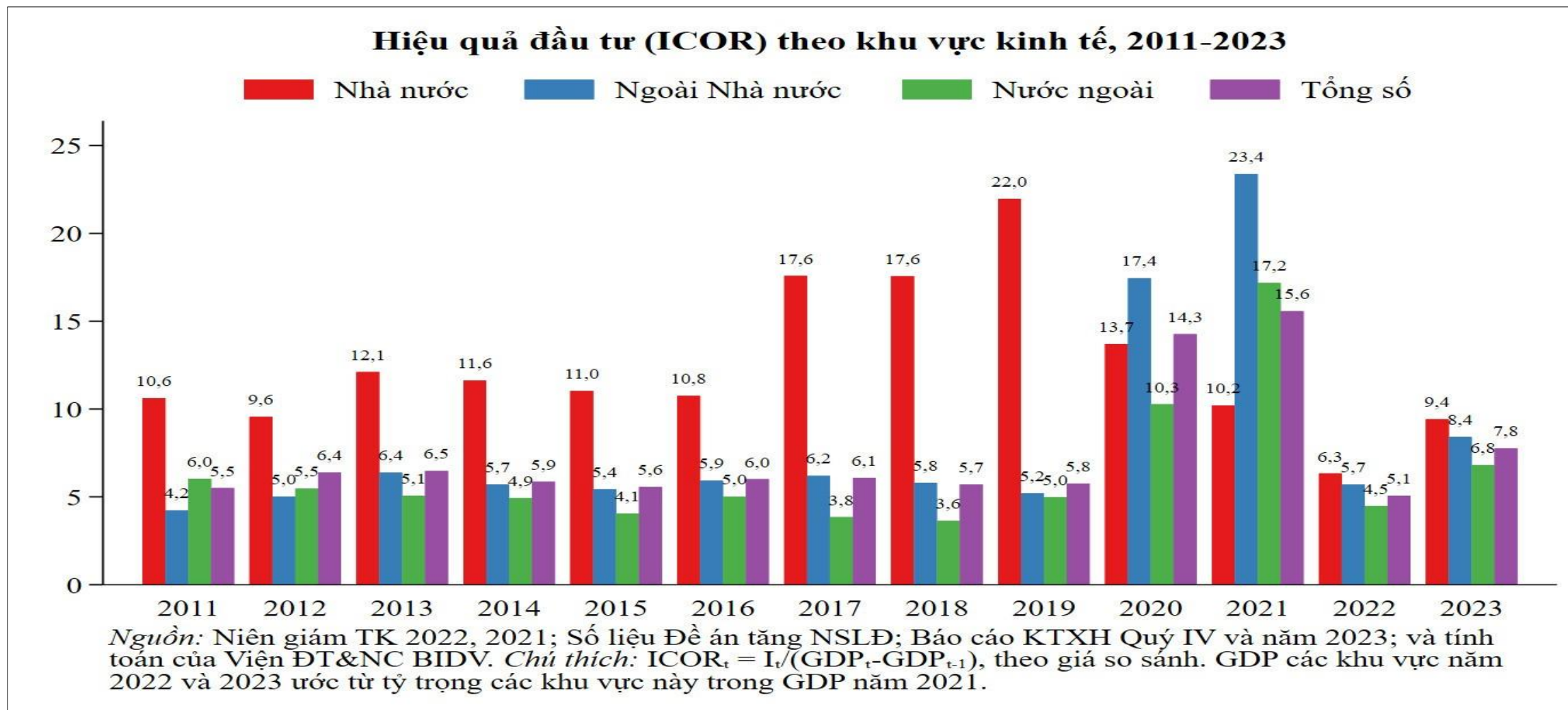
Nguồn: TCTK, Viện ĐTNC BIDV thể hiện.

H.8: Kích cầu tiêu dùng cũng là cần thiết (tăng trưởng tiêu dùng cuối cùng quý 1.2019-2024, YoY)



Nguồn: TCTK, Viện ĐT&NC BIDV tổng hợp. **Tiêu dùng cuối cùng năm 2023 chỉ tăng 3,52% (thấp hơn 7,2% năm 2022 và trên 7% giai đoạn 2016-2019).**

H.9: Chất lượng tăng trưởng (trong đó có chất lượng đầu tư công và đầu tư tư nhân trong nước) cũng cần được quan tâm



Khai thác các động lực tăng trưởng mới

- Chuyển đổi số & ứng dụng KHCCN
- Năng suất lao động và năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP)
- Đẩy mạnh cải cách thể chế kinh tế
- Tăng trưởng xanh và chủ động thích ứng biến đổi khí hậu
- Nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu – phát triển công nghiệp hỗ trợ
- Đẩy mạnh liên kết vùng – thúc đẩy vai trò của các đầu tàu kinh tế - xã hội;
- Tận dụng cơ hội từ hội nhập và ngoại giao kinh tế.

3. Một số kiến nghị

- **Nhóm giải pháp củng cố, làm mới các động lực tăng trưởng hiện hữu:**
 - ✓ **Thực hiện thành công các cơ chế, chính sách, nghị quyết** của Quốc Hội và Chính phủ đã ban hành (nhất là Nghị quyết 103/2023/QH15; Nghị quyết 01 và 02/2024/NQ-CP...); **kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, nhất là thị trường đất đai, xây dựng, BĐS và TPDN;**
 - ✓ **Thúc đẩy các động lực tăng trưởng hiện hữu:** (i) đẩy mạnh giải ngân đầu tư công; (ii) **kích cầu đầu tư tư nhân & tiêu dùng nội địa;** (iii) áp dụng các chính sách hỗ trợ người dân, DN (CSTK làm chủ lực, CSTT phối hợp); (iv) quan tâm thúc đẩy tăng trưởng của các đầu tàu nền kinh tế, nhất là Hà Nội, TP. HCM và ĐN...v.v.
 - ✓ **Nâng cao hiệu quả phối hợp chính sách** (đặc biệt giữa chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác) nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô;
 - ✓ **Chú trọng cơ cấu lại nền kinh tế** (nhất là các DNNN, dự án yếu kém, TCTD yếu kém, đầu tư công...) nhằm thu hút và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn; **lãnh mạnh hóa hệ thống doanh nghiệp, nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế.**
- **Khai thác, phát huy hiệu quả hơn các động lực tăng trưởng mới (slide 15).**